

dầu khí, trừ những nơi có đặt biển cấm quay phim chụp ảnh mang ký hiệu máy ảnh gạch chéo (X) và những nơi có lực lượng vũ trang canh gác. Ngoài phạm vi khu cấm cứ dịch vụ dầu khí, người nước ngoài làm công tác dầu khí muốn quay phim, chụp ảnh phải tuân theo những quy định chung về quay phim, chụp ảnh như đối với những người nước ngoài khác.

b) Người nước ngoài làm công tác dầu khí, quay phim, chụp ảnh trái với quy định trên thì cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể tạm giữ phim, ảnh để xem xét hoặc thu một phần hay toàn bộ phim ảnh đó.

7. Việc tổ chức chiếu phim, triển lãm.

Người nước ngoài làm công tác dầu khí được tổ chức chiếu phim, triển lãm, câu lạc bộ, vui chơi... có tính chất nội bộ tại nhà ở hay cơ quan của mình, không được tổ chức ở những nơi khác.

8. Việc quan hệ tiếp xúc.

a) Việc quan hệ tiếp xúc giữa những người nước ngoài làm công tác dầu khí với công dân Việt Nam và ngoại kiều cư trú ở Việt Nam về việc riêng phải được báo trước cho cơ quan dầu khí Việt Nam biết rõ yêu cầu nội dung và người định quan hệ để cơ quan dầu khí Việt Nam nghiên cứu quyết định.

b) Người nước ngoài làm công tác dầu khí đang làm nhiệm vụ ở trên sông, trên biển thuộc quyền quản lý của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam không được cập mạn các tàu thuyền khác không có liên quan đến công tác dầu khí, trừ trường hợp cấp cứu.

9. Việc xử lý.

Người nước ngoài làm công tác dầu khí vi phạm luật pháp và những điều quy định trong thông tư này, tùy theo mức độ nặng nhẹ, tác hại nhiều hay ít, sẽ bị xử lý theo luật pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Cơ quan dầu khí Việt Nam phổ biến những điểm cần thiết trong thông tư này cho người nước ngoài làm công tác dầu khí biết để họ nghiêm chỉnh chấp hành.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan hữu quan có trách nhiệm thực hiện thông tư này.

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 1977

K.T. Bộ trưởng

Bộ Ngoại giao

Thủ trưởng

HOÀNG BÍCH SƠN

K.T. Bộ trưởng

Bộ Nội vụ

Thủ trưởng

VIỄN CHI

BỘ LÂM NGHIỆP

THÔNG TƯ số 3984 - LN/KL ngày 15-10-1977 hướng dẫn việc xử phạt hành chính đối với các vi phạm luật lệ về bảo vệ rừng.

Quyền hạn của kiểm lâm nhân dân trong việc khám xét, bắt giữ tang vật, lập biên bản và xử lý đối với các vi phạm luật lệ về bảo vệ rừng đã được quy định tại các điều 16, 21 và 22 của Pháp lệnh quy định việc bảo vệ rừng và được quy định cụ thể trong nghị định số 101-CP ngày 21-5-1973 của Hội đồng Chính phủ quy định hệ thống tổ chức và nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng kiểm lâm nhân dân.

Căn cứ vào điều 9 và điều 14 của nghị định số 101-CP, Bộ Lâm nghiệp hướng dẫn cụ thể và quy định thủ tục tiến hành việc xử phạt hành chính thuộc quyền của kiểm lâm nhân dân.

Phần I

MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA VIỆC XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH

1. Mục đích:

1. Đề cao trách nhiệm của các ngành, các cấp trong việc thi hành pháp luật; tuyên truyền giáo dục mọi người nâng cao ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành luật lệ bảo vệ rừng, nâng cao ý thức bảo vệ rừng;

2. Xử lý nghiêm minh, ngăn chặn kịp thời và có hiệu quả các hành động phá hại rừng và tàng trữ, mua bán, vận chuyển và sử dụng trái phép lâm sản;

3. Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, góp phần tăng cường quản lý vật tư lâm sản, quản lý thị trường, quản lý trật tự trị an.

II. Yêu cầu :

1. Xử phạt phải theo đúng các quy định chung của pháp luật, của luật lệ bảo vệ rừng, theo đúng quyền hạn và thủ tục xử phạt hành chính.

2. Xử phạt đúng người vi phạm. Phải xác định rõ ai là người vi phạm, trách nhiệm của từng cá nhân, người ra lệnh và người thừa hành, kẻ chủ mưu và tông phạm ; nhân thân, thái độ của người vi phạm, các chính sách có liên quan đến người vi phạm, v.v... để việc xử lý được hợp lý, hợp tình.

3. Xử phạt đúng hành động vi phạm. Xét, xử phạt một vụ vi phạm phải kết hợp nhiều mặt, xét mức độ tác hại thực tế đã gây ra đồng thời xét các mặt khác như tính chất, động cơ hành động vi phạm, nguồn gốc và hoàn cảnh vi phạm.

4. Tất cả các hành động vi phạm đã phát hiện đều phải được xem xét, nếu không cần thiết phải xử phạt thì cũng phải phê bình, giáo dục, nhất thiết không được bỏ qua.

5. Phải tôn trọng quyền tự do dân chủ của nhân dân, không được gây trở ngại cho việc làm ăn, sinh sống hợp pháp của nhân dân.

Phần II

NỘI DUNG CỦA VIỆC XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH

I. NỘI DUNG VIỆC XÉT, XỬ PHẠT

1. Một hành động bị coi là vi phạm, có thể bị xử phạt hành chính, phải là hành động đã vi phạm một trong những điều ghi ở chương II của Pháp lệnh hoặc tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép lâm sản mà không gây thiệt hại lớn đến tài nguyên rừng, cụ thể là thuộc những hành động vi phạm quy định ở phần III trong thông tư này. Đối tượng rừng, lâm sản bị gây thiệt hại được xem xét để áp dụng xử phạt theo thông tư này bao gồm : các loại rừng tự nhiên, rừng trồng do Nhà nước quản lý ; các loại lâm sản trong rừng Nhà nước, các loại chim,

thú hoang dã, các loại cây trồng trên đất rừng, trên đất công cộng ; lâm sản và các đồ vật bằng gỗ có nguồn gốc sử dụng hoặc mua bán không đúng chế độ quy định của Nhà nước.

2. Về hình thức xử phạt hành chính, theo điều 21 và 23 của Pháp lệnh, tùy theo tính chất và mức độ tác hại của hành động vi phạm, người vi phạm có thể bị xử phạt như sau :

a) Cảnh cáo, thu hồi giấy phép và tịch thu tang vật, hoặc một, hai trong ba hình thức xử phạt đó.

b) Phạt tiền từ 1 đồng đến 200 đồng, thu hồi giấy phép và tịch thu tang vật, hoặc một, hai trong ba hình thức xử phạt đó.

Trong biện pháp xử lý đối với người vi phạm đồng thời với việc thi hành các hình thức xử phạt trên đây, còn áp dụng việc bồi thường theo nguyên tắc là người vi phạm có gây thiệt hại đến tài nguyên rừng thì phải bồi thường thiệt hại đã gây ra. Căn cứ vào thiệt hại cụ thể, cơ quan xử lý có thể buộc người vi phạm bồi thường toàn bộ hoặc một phần theo giá trị lâm sản hoặc giá trị về công sức lao động phải bỏ ra để phục hồi lại rừng đã bị phá hại. Cụ thể là bồi thường bằng tiền hoặc tự bỏ công sức tu bổ, gây trồng lại rừng cho Nhà nước.

3. Về quyền hạn xử phạt hành chính.

a) Cán bộ, nhân viên kiểm lâm nhân dân trong khi thi hành nhiệm vụ, được quyền cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1 đồng đến 10 đồng có thể tạm giữ giấy phép, tịch thu tang vật của người vi phạm. Về việc thực hiện quyền hạn xử phạt này, để bảo đảm việc xử phạt được thận trọng, đúng pháp luật, tránh gây phiền hà cho nhân dân, các chi cục, hạt kiểm lâm nhân dân cấp tỉnh phải tổ chức chỉ đạo thí điểm, trước mắt có thể chỉ giao quyền hạn xử phạt có giới hạn cho một số đối tượng là trạm trưởng kiểm lâm nhân dân hoặc phải là tập thể một nhóm, tổ cán bộ, nhân viên kiểm lâm nhân dân được giao nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, mới được xử phạt. Trên cơ sở đó, từng địa phương tổ chức rút kinh nghiệm chung, đề tiến tới thực hiện đúng quyền hạn xử phạt của cán bộ, nhân viên kiểm lâm nhân dân theo như quy định của pháp luật trên đây.

b) Hạt trưởng, phó hạt trưởng kiểm lâm nhân dân được quyền cảnh cáo hoặc quyết định phạt

tiền từ 1 đồng đến 100 đồng và có thể thu hồi giấy phép, tịch thu tang vật, buộc người vi phạm bồi thường thiệt hại đã gây ra.

c) Chỉ cục trưởng, phó chỉ cục trưởng kiểm lâm nhân dân được quyền cảnh cáo hoặc quyết định phạt tiền từ 1 đồng đến 200 đồng và có thể thu hồi giấy phép, tịch thu tang vật, buộc người vi phạm bồi thường thiệt hại đã gây ra.

4. Người bị xử phạt có quyền khiếu nại đối với quyết định xử lý của cơ quan kiểm lâm nhân dân, việc giải quyết khiếu nại do Ủy ban nhân dân cùng cấp xét và quyết định (điều 21 của Pháp lệnh).

5. Người nào lạm dụng chức vụ, quyền hạn ra lệnh cho người thuộc quyền mình chặt, phá rừng hoặc làm những việc khác gây thiệt hại đến tài nguyên rừng, thì việc làm đó là phạm pháp và người đã ra lệnh đó cũng bị xử phạt như người thuộc quyền đã trực tiếp gây thiệt hại đến tài nguyên rừng. Cơ quan xử lý phải xác định để phân biệt người ra lệnh và người thừa hành lệnh đó.

II. VIỆC THU HỒI GIẤY PHÉP VÀ TỊCH THU TANG VẬT

Ngoài việc cảnh cáo hoặc phạt tiền, việc thu hồi giấy phép và tịch thu tang vật giải quyết như sau :

A. Thu hồi giấy phép.

Giấy phép, theo như quy định trong điều 8 của nghị định số 101-CP, bao gồm các loại giấy phép chặt cây, giấy phép khai thác rừng, giấy phép vận chuyển lâm sản, giấy phép săn bắt chim, muông, thú rừng và các loại giấy phép khác quy định trong luật lệ bảo vệ rừng.

Trong các trường hợp phát hiện sau đây, nhất thiết phải thu hồi giấy phép : giấy phép đã quá hạn, giấy phép được cấp không đúng với quy định trong luật lệ bảo vệ rừng, giấy phép do người vi phạm thuê, mượn, lấy của người khác, hoặc khi người vi phạm cố ý lợi dụng giấy phép để vi phạm, hoặc có hành động gian lận hay là đã bị xử phạt mà còn vi phạm. Mức độ thu hồi giấy phép gồm thu hồi vĩnh viễn và thu hồi có kỳ hạn ; thu hồi có kỳ hạn áp dụng đối với những trường hợp mà sau khi xử lý đối với hành động vi phạm vẫn có thể chấp

nhận quyền được sử dụng giấy phép đó, để khôi phục cấp lại.

Việc thu hồi giấy phép phải do cơ quan kiểm lâm nhân dân từ cấp hạt trở lên xét và quyết định. Cán bộ, nhân viên kiểm lâm nhân dân khi xử phạt, cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1 đồng đến 10 đồng, nếu phát hiện người vi phạm có giấy phép bất hợp pháp, thì phải tạm giữ để báo cáo hạt, chỉ cục xét, quyết định.

B. Tịch thu tang vật.

Tang vật là những lâm sản trái phép, những dụng cụ và phương tiện dùng để phạm pháp (điều 10 nghị định số 101-CP).

1. Tịch thu lâm sản trái phép.

Nguyên tắc chung là những lâm sản lấy, sử dụng, mua bán trái phép thì phải thu hồi về cho Nhà nước để phân phối theo kế hoạch.

Khi xét, xử lý các hành động vi phạm đối với lâm sản trái phép, cơ quan xử lý có thể tịch thu lâm sản trong những trường hợp sau đây :

a) Lâm sản do chặt, phá rừng trái phép và chim thú rừng do săn bắt trái phép (không có giấy phép, giấy phép không hợp lệ, lợi dụng giấy phép để vi phạm, hoặc vi phạm những quy định trong luật lệ bảo vệ rừng).

b) Lâm sản do tàng trữ, mua bán, sử dụng trái với những quy định trong luật lệ bảo vệ rừng.

c) Lâm sản do người vi phạm đã bỏ chạy để lại.

Khi xét, cần chú ý xử lý tịch thu đối với những hành động cố ý, chặt phá rừng gian lận, tái phạm và đối với các loại lâm sản, chim, thú quý, hiếm, có giá trị kinh tế cao. Ngoài ra, có thể áp dụng hình thức xử lý trưng mua, cho sử dụng một phần hoặc toàn bộ đối với lâm sản trái phép.

Đối với lâm sản xử lý tịch thu và trưng mua, thì không truy thu tiền nuôi rừng. Đối với phần lâm sản cho người vi phạm được đem về sử dụng, nếu trước đó chưa nộp tiền nuôi rừng, thì phải nộp tiền nuôi rừng cho Nhà nước.

2. Tịch thu những dụng cụ và phương tiện dùng để phạm pháp.

Dụng cụ và phương tiện dùng để phạm pháp có nhiều loại, mỗi liên quan đến hành động vi phạm cũng rất phức tạp. Cho nên việc tịch thu đối với loại tang vật này phải thận trọng, chỉ tịch thu trong những trường hợp thật cần thiết.

để ngăn chặn kịp thời hành động vi phạm, như kê vi phạm có hành vi gian lận, tái phạm nhiều lần hoặc có hành động chống đối. Dụng cụ và phương tiện dùng để phạm pháp có thể tịch thu chủ yếu là những loại có liên quan trực tiếp đến hành động vi phạm và tương xứng với thiệt hại đã gây ra, tránh gây những ảnh hưởng không có lợi đến đời sống của nhân dân và đến hoạt động sản xuất của các cơ quan, xí nghiệp, đơn vị. Chú ý tránh việc xử lý tịch thu đối với các loại phương tiện thuộc loại tài sản có giá trị kinh tế cao, việc bảo quản cũng phức tạp, như xe có động cơ, xe đạp, gia súc, v.v... Các dụng cụ và phương tiện đã xử lý tịch thu, phải được bảo quản chu đáo và giải quyết theo đúng chế độ Nhà nước quy định.

Phần III

CÁC HÀNH ĐỘNG VI PHẠM VÀ MỨC ĐỘ XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH

1. PHÁ RỪNG TRÁI PHÉP

Bao gồm các hành động vi phạm điều 3 Pháp lệnh và các văn bản quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh.

Đối với các hành động phá rừng trái phép kê dưới đây, có thể phạt tiền từ 11 đồng đến 200 đồng và tịch thu lâm sản trái phép :

1. Được phép phá rừng nhưng đã tùy tiện sử dụng trái phép lâm sản hoặc bỏ lâm sản bị hư hỏng tại rừng (đề mục nát, cây úi, đốt) :

- Gỗ tròn : từ 20 m³ trở xuống ;
- Củi : từ 40 xít-te trở xuống ;
- Các loại bương, tre, luồng, vầu, nứa đại : từ 2000 cây trở xuống ;
- Các loại tre, kích cỡ nhỏ và các loại nứa khác : từ 5000 cây trở xuống.

. Phá trái phép vào rừng kinh tế, hoặc phá vượt diện tích được phép :

- Rừng gỗ : từ 0,7 héc ta trở xuống ; rừng tre nứa : từ 1,5 héc ta trở xuống ;
- Nếu là rừng có nhiều gỗ quý hoặc có trữ lượng cao (sau đây gọi tắt là rừng tốt), thì rừng gỗ : từ 0,5 héc ta trở xuống ; rừng tre, nứa : từ 1 héc ta trở xuống.

3. Phá trái phép vào rừng khoanh nuôi bảo vệ :

- Rừng gỗ : từ 0,7 héc ta trở xuống ; rừng tre, nứa : từ 1,5 héc ta trở xuống ;
- Nếu là rừng tốt hoặc có yêu cầu bảo vệ cao, thì rừng gỗ : từ 0,5 héc ta trở xuống ; rừng tre, nứa : từ 1 héc ta trở xuống.

4. Phá trái phép vào rừng cấm (theo điều 5 Pháp lệnh) hoặc rừng có các loại quý hiếm mọc tập trung (theo điều 10 Pháp lệnh) : với diện tích từ 0,1 héc ta trở xuống.

II. KHAI THÁC, CHẶT CÂY RỪNG TRÁI PHÉP

Bao gồm các hành động vi phạm điều 4 và các điều 5, 10, 12 của Pháp lệnh.

I: Vi phạm quy trình kỹ thuật khai thác rừng

Đối với các hành động vi phạm kê dưới đây, có thể phạt tiền từ 11 đồng đến 200 đồng và đơn vị khai thác phải có biện pháp sửa chữa theo quy trình :

a) Khai thác không chuẩn bị rừng, vượt sản lượng thiết kế, không bảo đảm các quy định về bảo vệ rừng trong chặt hạ, không dọn vệ sinh rừng, v.v... trên diện tích từ 10 đến 20 héc ta trở xuống, tùy theo mức độ tác hại đến rừng.

b) Khai thác làm cho rừng bị tàn lụi, rừng gần như bị chặt trắng :

— Rừng gỗ : 2 héc ta trở xuống ; rừng tre, nứa : từ 3 héc ta trở xuống ;

— Nếu là rừng tốt hoặc mức độ rừng bị phá nghiêm trọng, thì rừng gỗ : từ 1 héc ta trở xuống ; rừng tre, nứa : từ 2 héc ta trở xuống.

2. Được phép chặt cây, khai thác rừng, nhưng đã vi phạm chế độ nộp tiền nuôi rừng (trước đây gọi là tiền bán khoán lâm sản), ngoài việc truy thu tiền nuôi rừng, có thể xử phạt như sau :

a) Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1 đồng đến 10 đồng, nếu số tiền nuôi rừng phải nộp từ 50 đồng trở xuống ;

b) Phạt tiền từ 11 đồng đến 200 đồng, nếu số tiền nuôi rừng phải nộp từ 1000 đồng trở xuống.

3. Chặt cây, lấy lâm sản không có giấy phép, giấy phép không hợp lệ, hoặc lấy vượt khối lượng, sai chủng loại cho phép hay là vi phạm vào nhóm gỗ không được khai thác, sử dụng :

a) Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1 đồng đến 10 đồng và có thể tịch thu lâm sản trái phép, nếu lâm sản trái phép trị giá từ 50 đồng trở xuống, tính theo giá thị trường địa phương nơi bắt giữ.

Giá thị trường ở đây bao gồm giá thu mua lâm sản của các cơ quan Nhà nước tại địa phương; đối với loại lâm sản Nhà nước không thu mua thì lấy giá thị trường tự do thông thường ở từng vùng tại địa phương.

b) **Phạt tiền từ 11 đồng đến 200 đồng** và có thể tịch thu lâm sản trái phép, tịch thu dụng cụ, phương tiện dùng để phạm pháp:

- Gỗ tròn nhóm I, II: từ $5m^3$ trở xuống, nhóm III, IV: từ $7m^3$ trở xuống, nhóm V đến VIII: từ $10m^3$ trở xuống;
- Củi: từ 20 xít-te trở xuống;
- Các loại bương, tre, luồng, vầu, nứa đại: từ 1000 cây trở xuống;
- Các loại tre nhỏ, nứa khác: từ 3000 cây trở xuống;
- Các lâm sản khác: trị giá theo giá thị trường từ 1000 đồng trở xuống.

4. Chặt cây, lấy lâm sản trái phép trong rừng đang khoanh nuôi bảo vệ:

a) **Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1 đồng đến 10 đồng** và có thể tịch thu lâm sản trái phép, nếu lâm sản trái phép trị giá theo giá thị trường từ 30 đồng trở xuống.

b) **Phạt tiền từ 11 đồng đến 200 đồng** và có thể tịch thu lâm sản trái phép, tịch thu dụng cụ, phương tiện dùng để phạm pháp:

- Gỗ tròn: từ $7m^3$ trở xuống, hoặc 0,5 héc ta trở xuống nếu là rừng cây còn non chưa tính được khối lượng;
- Củi: từ 15 xít-te trở xuống;
- Các loại bương, tre, luồng, vầu, nứa đại: từ 500 cây trở xuống;
- Các loại tre nhỏ và nứa khác: từ 2000 cây trở xuống;
- Các lâm sản khác: trị giá theo giá thị trường từ 500 đồng trở xuống.

5. Chặt cây lấy lâm sản trái phép thuộc các loại thực vật quý, hiếm (điều 10 Pháp lệnh):

a) **Phạt tiền từ 1 đồng đến 10 đồng**, tịch thu lâm sản trái phép, nếu lâm sản trái phép trị giá theo giá thị trường từ 20 đồng trở xuống.

b) **Phạt tiền từ 11 đồng đến 200 đồng**, tịch thu lâm sản trái phép và có thể tịch thu dụng cụ, phương tiện dùng để phạm pháp:

- Gỗ tròn: từ $3m^3$ trở xuống;
- Lâm sản khác: trị giá theo giá thị trường từ 300 đồng trở xuống.

6. Chặt cây, lấy lâm sản trái phép trong rừng cấm:

a) **Phạt tiền từ 1 đồng đến 10 đồng**, nếu phát hiện người vi phạm đã có hành động vi phạm nhưng chưa gây thiệt hại đáng kể đến rừng.

b) **Phạt tiền từ 11 đồng đến 200 đồng**, tịch thu lâm sản trái phép và có thể tịch thu dụng cụ, phương tiện dùng để phạm pháp:

- Gỗ tròn: từ $3m^3$ trở xuống;
- Củi: từ 5 xít-te trở xuống;
- Tre, nứa các loại: tre, nứa lớn: từ 200 cây trở xuống; tre, nứa nhỏ: từ 500 cây trở xuống;
- Lâm sản khác: trị giá theo giá thị trường từ 300 đồng trở xuống.

Nếu vi phạm vào các loại thực vật quý, hiếm:

- Gỗ tròn: từ $2m^3$ trở xuống;
- Lâm sản khác: trị giá theo giá thị trường từ 200 đồng trở xuống.

III. PHÁT, ĐỐT RỪNG ĐỂ LÀM NƯƠNG RẦY

Bao gồm các hành động vi phạm điều 6 và các điều 5 và 10 của Pháp lệnh.

Đối với các hành động vi phạm kể dưới đây, có thể phạt tiền từ 11 đồng đến 200 đồng và tịch thu lâm sản đã phát trái phép.

1. Phát, đốt rừng kinh tế:

a) Rừng gỗ: từ 0,7 héc ta trở xuống; rừng tre, nứa: từ 1,5 héc ta trở xuống;

b) Nếu là rừng tốt, thì rừng gỗ: từ 0,5 héc ta trở xuống; rừng tre, nứa: từ 1 héc ta trở xuống.

2. Phát, đốt rừng khoanh nuôi bảo vệ:

a) Rừng gỗ: từ 0,7 héc ta trở xuống; rừng tre, nứa: từ 1,5 héc ta trở xuống;

b) Nếu là rừng tốt hoặc có yêu cầu bảo vệ cao thì rừng gỗ: từ 0,5 héc ta trở xuống; rừng tre, nứa: từ 1 héc ta trở xuống.

3. **Phát, đốt rừng cấm hoặc rừng có các loại thực vật quý hiếm mọc tập trung:** với diện tích từ 0,1 héc ta trở xuống.

IV. GÂY CHÁY RỪNG

Bao gồm các hành động vi phạm điều 7 và các điều 5 và 10 của Pháp lệnh.

1. **Được phép đốt lửa trong rừng nhưng đã vi phạm các quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng:**

a) **Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1 đồng đến 10 đồng:** gây cháy rừng nhưng đã kịp thời dập tắt, thiệt hại không đáng kể;

b) *Phạt tiền từ 11 đồng đến 200 đồng*, nếu gây cháy rừng :

— Rừng gỗ : từ 0,7 héc-ta trở xuống ; rừng tre, nứa : từ 1,5 héc-ta trở xuống ;

— Nếu là rừng tốt hoặc rừng đã bị cháy nghiêm trọng, thì rừng gỗ : từ 0,5 héc-ta trở xuống ; rừng tre, nứa : từ 1 héc-ta trở xuống

2. Đốt lửa trái phép gây cháy rừng kinh tế :

Đốt lửa trái phép nói ở đây là những trường hợp đốt lửa không được phép của các cơ quan có thẩm quyền mà luật lệ bảo vệ rừng đã quy định (điều 7 Pháp lệnh, nghị định số 221-CP) ; đốt lửa ở các khu rừng cấm đốt lửa : các khu rừng dễ cháy, rừng có than, rừng trồng (nghị định số 221-CP).

a) *Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1 đồng đến 10 đồng* : gây cháy rừng nhưng đã kịp thời dập tắt, thiệt hại không đáng kể.

b) *Phạt tiền từ 11 đồng đến 200 đồng*, nếu gây cháy rừng :

— Rừng gỗ : từ 0,5 héc-ta trở xuống ;

— Rừng tre, nứa : từ 1 héc-ta trở xuống.

3. *Gây cháy rừng khoanh nuôi bảo vệ* : xử phạt như điểm 2 trên đây.

4. *Vi phạm các quy định cấm đốt lửa* (đoạn 1, điều 7 Pháp lệnh).

a) *Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1 đồng đến 10 đồng* : khi phát hiện có hành động đốt lửa nhưng chưa gây cháy rừng.

b) *Phạt tiền từ 11 đồng đến 200 đồng nếu gây cháy rừng* :

— Rừng gỗ : từ 0,3 héc-ta trở xuống ;

— Rừng tre, nứa : từ 0,7 héc-ta trở xuống.

5. *Gây cháy rừng cấm hoặc rừng có các loại thực vật quý, hiếm mọc tập trung* : phạt tiền từ 11 đồng đến 200 đồng với diện tích bị cháy từ 0,1 héc-ta trở xuống.

V. CHẤM THẢ GIA SÚC TRÁI PHÉP VÀO RỪNG

Bao gồm các hành động vi phạm điều 8 của Pháp lệnh.

1. Chấm thả tự do gia súc vào rừng :

a) *Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1 đồng đến 10 đồng* : nếu gây thiệt hại không đáng kể đến rừng.

b) *Phạt tiền từ 11 đồng đến 200 đồng* : gia súc đã phá hại cây rừng với diện tích từ 5 héc-ta trở xuống ; nếu rừng bị phá hại nghiêm trọng, thì với diện tích từ 3 héc-ta trở xuống.

2. *Thả rông gia súc vào những khu rừng non, rừng mới trồng hoặc mới dặm cây con* :

a) *Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1 đồng đến 10 đồng* : nếu gây thiệt hại không đáng kể đến rừng.

b) *Phạt tiền từ 11 đồng đến 200 đồng* : gia súc đã phá hại cây rừng với diện tích từ 2 héc-ta trở xuống ; nếu rừng bị phá hại nghiêm trọng, thì với diện tích từ 1 héc-ta trở xuống.

VI. SĂN BẮT TRÁI PHÉP CHIM, MUÔNG THÚ HOANG DÃ

Đối với các hành động vi phạm kê dưới đây ngoài việc có thể tịch thu chim, thú hoang đã săn bắt trái phép, tịch thu dụng cụ, phương tiện dùng để phạm pháp, xử phạt như sau :

1. *Săn bắt không có giấy phép hoặc buôn bán vận chuyển chim, thú đã săn bắt trái phép* :

a) *Các loài chim, thú cỡ vừa*, như ngỗng, bồ nông, nhím, khỉ... : phạt tiền tính theo đầu con chim, thú đã săn bắt trái phép, mỗi con (sau đây gọi tắt là phạt tiền mỗi con) từ 5 đồng đến 20 đồng, tùy theo loại chim, thú.

b) *Các loài thú cỡ lớn*, như nai, hoẵng, sơn dương, lợn rừng... : phạt tiền mỗi con từ 50 đồng đến 100 đồng, tùy theo loại thú.

c) *Các loài thú dữ*, như hổ, báo, gấu : phạt tiền mỗi con từ 100 đồng đến 200 đồng, tùy theo loại thú.

2. *Săn bắt trái phép trong mùa cấm, hoặc khu vực cấm săn, hoặc dùng những phương pháp, phương tiện cấm dùng để săn bắt chim, thú hoang dã*.

a) *Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1 đồng đến 10 đồng* : đã có hành động săn bắt rõ ràng, nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không đáng kể.

b) *Săn bắt các loài chim, thú cỡ nhỏ*, như chim gáy, sóc... : phạt tiền mỗi con từ 1 đồng đến 5 đồng.

c) *Săn bắt các loài chim, thú cỡ vừa* : phạt tiền mỗi con từ 10 đồng đến 30 đồng.

d) **Săn bắt các loài thú lớn**: phạt tiền mỗi con từ 100 đồng đến 200 đồng.

e) **Săn bắt các loài thú dữ**: phạt tiền mỗi con từ 100 đồng đến 200 đồng, hoặc có thể khởi tố về hình sự.

3. Săn bắt trái phép các loài chim, thú quý, hiếm cấm săn (điều 1, Điều lệ tạm thời về săn bắt chim, thú rừng ban hành kèm theo nghị định số 39-CP ngày 5-4-1963):

a) **Thú nhỏ**: cầy bay, sóc bay, cheo cheo, cu ly, tê tê: phạt tiền mỗi con từ 10 đồng đến 30 đồng.

b) **Chim, thú vừa**: công, trĩ, gà sao, gà lôi, chồn mực, vượn, vẹt: phạt tiền mỗi con từ 20 đồng đến 50 đồng.

c) **Thú lớn**: voi, tê giác, trâu rừng, bò tót, bò rừng, hươu sao, hươu sạ: sẽ khởi tố về hình sự.

4. Săn bắt trái phép trong rừng cấm.

a) **Phạt tiền từ 1 đồng đến 10 đồng**: đã có hành động săn bắt rõ ràng, nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không đáng kể.

b) **Săn bắt các loài chim thú cỡ nhỏ**: phạt tiền mỗi con từ 5 đồng đến 20 đồng.

c) **Săn bắt các loài chim, thú cỡ vừa**: phạt tiền mỗi con từ 20 đồng đến 50 đồng.

d) **Săn bắt các loài thú lớn**: phạt tiền mỗi con từ 100 đồng đến 200 đồng.

e) **Săn bắt các loài thú dữ**: sẽ khởi tố về hình sự.

g) Nếu vi phạm vào các loài « chim, thú, quý, hiếm cấm săn »:

— Thú nhỏ: phạt tiền mỗi con từ 20 đồng đến 50 đồng;

— Chim, thú vừa: phạt tiền mỗi con từ 50 đồng đến 100 đồng;

— Các loài thú lớn: sẽ khởi tố về hình sự.

Theo mức độ xử phạt quy định ở các điều 1, 2, 3 và 4 trên đây, các địa phương căn cứ vào tình hình các loài chim, thú và yêu cầu bảo vệ đối với từng loài ở địa phương mình, mà hướng dẫn cụ thể mức tiền phạt cho mỗi đầu con chim, thú.

VII. VI PHẠM CHẾ ĐỘ PHÒNG, TRỪ SÂU, BỆNH PHÁ HẠI RỪNG

Các lâm trường, hợp tác xã và cơ quan, đoàn thể được phép kinh doanh rừng, vì thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, phát hiện dịch sâu, bệnh, hoặc khi đã phát hiện nhưng không có những biện pháp tích cực diệt trừ, đẻ sâu, bệnh

phá hại rừng, vi phạm điều 11 của Pháp lệnh, thì thú trưởng đơn vị, chủ nhiệm hợp tác xã có thể bị phạt tiền từ 11 đồng đến 200 đồng nếu đẻ rừng bị phá hại với diện tích từ 20 hécta trở xuống; nếu rừng bị phá hại nghiêm trọng, thì với diện tích từ 10 hécta trở xuống.

VIII. TÀNG TRỮ, MUA BÁN, VẬN CHUYỂN VÀ SỬ DỤNG TRÁI PHÉP LÂM SẢN

1. Vi phạm chế độ nộp tiền nuôi rừng.

Trong trường hợp kiểm tra, phát hiện lâm sản qua việc tàng trữ, mua bán, vận chuyển có vi phạm chế độ nộp tiền nuôi rừng, còn nguồn gốc lâm sản là hợp pháp, thì xử lý theo như điều 2, mục II trong phần III này.

2. Mua bán, vận chuyển, sử dụng trái phép lâm sản (nguồn gốc lâm sản là hợp pháp).

a) **Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1 đồng đến 10 đồng** và có thể tịch thu lâm sản trái phép, nếu lâm sản trái phép trị giá theo giá thị trường từ 50 đồng trở xuống; nếu lâm sản thuộc loại quý, hiếm, thì trị giá từ 20 đồng trở xuống.

b) **Phạt tiền từ 11 đồng đến 200 đồng** và có thể tịch thu lâm sản trái phép, tịch thu dụng cụ, phương tiện dùng để phạm pháp:

— Gỗ tròn: nhóm I, II từ 5m³ trở xuống;
nhóm III, IV từ 7m³ trở xuống;
nhóm V - VIII từ 10m³ trở xuống.

— Củi: từ 20 xít-te trở xuống;

— Các loại bương, tre, luồng, vầu, nứa đại từ 1000 cây trở xuống;

— Các loại tre nhỏ và nứa khác: từ 3000 cây trở xuống;

— Các loại lâm sản khác: trị giá theo giá thị trường từ 1000 đồng trở xuống;

Nếu vi phạm vào các loại thực vật quý, hiếm:

— Gỗ tròn: từ 3m³ trở xuống;

— Lâm sản khác: trị giá từ 300 đồng trở xuống.

3. Tàng trữ, mua bán, vận chuyển và sử dụng nhưng lâm sản đã khai thác trái phép (nguồn gốc lâm sản là trái phép).

a) **Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1 đồng đến 10 đồng** và có thể tịch thu lâm sản trái phép, nếu lâm sản trái phép trị giá theo giá thị trường từ 30 đồng trở xuống; nếu lâm sản thuộc loại quý, hiếm, thì trị giá từ 20 đồng trở xuống.

b) **Phạt tiền từ 11 đồng đến 200 đồng** và có thể tịch thu lâm sản trái phép, tịch thu dụng cụ, phương tiện dùng để phạm pháp :

- Gỗ tròn : nhóm I, II : từ 3m³ trở xuống, nhóm III - IV : từ 5m³ trở xuống, nhóm V - VIII : từ 7m³ trở xuống ;
 - Củi : từ 15 xít-te trở xuống ;
 - Các loại bương, tre, luồng, vầu, nứa đại : từ 1000 cây trở xuống ;
 - Các loại tre nhỏ và nứa khác : từ 3000 cây trở xuống ;
 - Các lâm sản khác : trị giá theo giá thị trường từ 500 đồng trở xuống ;
- Nếu vi phạm vào các loại thực vật quý, hiếm :
- Gỗ tròn : từ 2m³ trở xuống ;
 - Lâm sản khác : trị giá từ 300 đồng trở xuống.

IX. VỀ VIỆC VẬN DỤNG CÁC QUY ĐỊNH VỀ HÀNH ĐỘNG VI PHẠM VÀ MỨC ĐỘ XỬ PHẠT

Trong việc vận dụng các điều quy định trong phần III này, cần chú ý những điểm sau đây :

1. Khi xét, xử phạt một hành động vi phạm, trước hết phải xác định mức độ tác hại đã gây ra, đồng thời xét, cân nhắc các tình tiết khác của hành động vi phạm và đối với người vi phạm, mà quyết định mức độ xử phạt cụ thể.

2. Khi xét và quyết định mức độ xử phạt cụ thể, trong trường hợp cần tăng nặng hay giảm nhẹ, thì theo hướng sau đây : (mức độ xử phạt hành chính đã chia thành 3 khung xử phạt từ nhẹ đến nặng là : cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1 đồng đến 10 đồng ; phạt tiền từ 11 đồng đến 100 đồng ; phạt tiền từ 101 đồng đến 200 đồng, và có thể thu hồi giấy phép, tịch thu tang vật).

a) Nếu là trường hợp cần nâng mức độ xử phạt, như người vi phạm có hành động cố ý, gian lận, vi phạm nhiều lần, thì hành động vi phạm xét về tác hại đã gây ra nằm trong khung xử phạt nào, có thể phạt đến mức tối đa trong khung xử phạt đó.

b) Nếu là trường hợp cần giảm mức độ xử phạt, thì hành động vi phạm xét về tác hại đã gây ra nằm trong khung xử phạt nào, có thể phạt đến mức thấp nhất trong khung xử phạt đó, hoặc chỉ cảnh cáo, giáo dục.

3. Đối với các hành động vi phạm có mức độ tác hại đã gây ra vượt quá mức độ xử phạt hành chính đã hướng dẫn trên đây, thì sẽ khởi tố về hình sự.

Đối với một số vụ vi phạm, tuy mức độ tác hại đã gây ra thuộc mức độ xử phạt hành chính, nhưng xét các yếu tố khác thấy cần phải xử lý nghiêm khắc, thì cơ quan kiểm lâm nhân dân phối hợp với viện kiểm sát nhân dân cùng cấp đề xét và có biện pháp xử lý thích đáng.

4. Đối với trường hợp đã bị xử phạt mà còn vi phạm (điều 22 của Pháp lệnh) nếu lần vi phạm sau có mức độ tác hại đã gây ra thuộc mức độ xử phạt hành chính, thì chỉ trong những trường hợp sau đây mới khởi tố về hình sự :

a) Kẻ phạm pháp nhiều lần, trước đây đã được giáo dục hoặc đã bị xử phạt hành chính mà vẫn chưa chịu tiếp thu, sửa chữa ;

b) Kẻ phạm pháp có hành động chống đối hoặc là phần tử xấu.

5. Trường hợp kẻ phạm pháp có hành động hành hung cán bộ, nhân viên kiểm lâm nhân dân trong khi thi hành nhiệm vụ, thì ngoài việc lập biên bản về vi phạm luật lệ bảo vệ rừng, còn lập biên bản về hành động hành hung đó để chuyển sang cơ quan công an đề nghị xử lý ; nếu xét cần phải xử lý nghiêm khắc, thì đề nghị viện kiểm sát nhân dân khởi tố về hình sự.

Phần IV

VỀ VIỆC THI HÀNH XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH

Trong việc thực hiện quyền hạn kiểm tra lập biên bản, xét, xử lý các hành động vi phạm luật lệ bảo vệ rừng, cơ quan kiểm lâm nhân dân các cấp và cán bộ, nhân viên kiểm lâm nhân dân phải chấp hành đúng các nguyên tắc, thủ tục sau đây.

I. VỀ CẢNH CÁO HOẶC PHẠT TIỀN TỪ 1 ĐỒNG ĐẾN 10 ĐỒNG

Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1 đồng đến 10 đồng và có thể tạm giữ giấy phép, tịch thu tang vật là hình thức xử phạt đối với những vi phạm nhỏ, tại chỗ, rõ ràng, nhằm kịp thời ngăn ngừa các hành động vi phạm luật lệ bảo vệ rừng.

Trong việc thi hành xử phạt, phải theo đúng những quy định sau đây :

1. Chỉ những cán bộ kiểm lâm nhân dân từ cấp trạm trưởng kiểm lâm nhân dân trở lên và trong khi thi hành nhiệm vụ, hoặc những cán bộ, nhân viên kiểm lâm nhân dân được thủ trưởng

09674200

Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

LAWSONH

cơ quan kiểm lâm nhân dân giao quyền hạn và trong khi thi hành nhiệm vụ, mới được xử phạt.

2. Trong khi thi hành nhiệm vụ, cán bộ, nhân viên kiểm lâm nhân dân phải mang theo giấy tờ xác nhận quyền hạn được giao; nếu đương sự đề nghị được xem giấy tờ, thì cán bộ, nhân viên kiểm lâm nhân dân phải xuất trình giấy tờ đó trước đương sự.

3. Khi khám xét, chỉ khám xét tang vật có liên quan đến hành động vi phạm luật lệ bảo vệ rừng.

4. Khi quyết định xử phạt tiền, tịch thu tang vật, cán bộ, nhân viên kiểm lâm nhân dân phải tuyên bố quyết định xử phạt cho người vi phạm rõ, phải làm biên lai thu tiền phạt. Biên lai phải làm tại chỗ và giao cho người vi phạm sau khi họ đã nộp tiền phạt, nộp tang vật bị tịch thu.

5. Sau mỗi ngày, cán bộ, nhân viên kiểm lâm nhân dân phải ghi chép cập nhật vào sổ nhật ký vi phạm của đơn vị về các vụ vi phạm đã xử lý trong ngày và nộp tổng số tiền phạt đã thu, tang vật đã tịch thu tại đơn vị nơi công tác.

6. Trong trường hợp phạt tiền nhưng người vi phạm chưa có tiền để nộp phạt, thì giải quyết như sau:

a) Đối với người vi phạm đã xác minh được địa chỉ rõ ràng, thì cho người vi phạm ký nhận vào biên lai là sẽ nộp phạt sau, trong thời gian không quá 5 ngày, tại đơn vị công tác của cán bộ, nhân viên kiểm lâm nhân dân đã thi hành xử phạt.

b) Đối với người vi phạm chưa xác minh được địa chỉ, thì cán bộ, nhân viên kiểm lâm nhân dân đưa người đó về cơ quan kiểm lâm nhân dân hoặc cơ quan chính quyền địa phương nơi gần nhất để xác minh địa chỉ, sau đó giải quyết như trường hợp a trên đây.

Cả hai trường hợp a và b, cán bộ, nhân viên kiểm lâm nhân dân đều phải bắt người vi phạm ký chịu tang vật cần thiết, để buộc người vi phạm phải chấp hành quyết định xử phạt.

7. Ngay sau khi tuyên bố quyết định xử phạt, nếu đương sự yêu cầu được khiếu nại, thì cán bộ, nhân viên kiểm lâm nhân dân phải lập biên bản về việc khiếu nại và chuyển biên bản đó về cơ quan kiểm lâm nhân dân (huyện hoặc tỉnh) để xét, giải quyết. Nếu có tang vật cần tạm giữ, thì phải lập biên bản tạm giữ tang vật.

8. Trong trường hợp người vi phạm không có khiếu nại mà cũng không chịu chấp hành quyết định xử phạt, thì cơ quan kiểm lâm nhân dân báo cho chính quyền hoặc cơ quan, đơn vị nơi người vi phạm cư trú hoặc công tác để buộc người đó phải chấp hành quyết định xử phạt.

II. VỀ PHẠT TIỀN TỪ 11 ĐỒNG ĐẾN 200 ĐỒNG

A. Quyền hạn xử phạt:

1. Pháp lệnh và nghị định số 101-CP đã quy định quyền hạn xử phạt hành chính của cấp hạt và cấp chi cục. Trong thực tế xét xử phạt, đối với các vụ vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt của hạt, sau khi hạt đã có quyết định xử lý, hạt có thể giao trách nhiệm cho trạm thi hành quyết định đó theo đúng thủ tục quy định. Đối với các vụ vi phạm mà khi hạt xét, thấy mức độ xử phạt vượt quá quyền hạn của hạt, thì hạt báo cáo lên chi cục đề xét, quyết định xử lý, không cần phải gửi kèm theo tang vật tạm giữ nếu có. Sau khi chi cục đã có quyết định xử lý, thì hạt có trách nhiệm thi hành quyết định đó theo đúng thủ tục quy định.

2. Đối với các hạt kiểm lâm nhân dân ở tỉnh, thành phố nơi không thành lập chi cục, nếu mức độ xử phạt vượt quá quyền hạn của hạt, Bộ Lâm nghiệp giao cho hạt xét, quyết định xử lý, sau khi đã xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

3. Đối với các hạt kiểm lâm nhân dân và hạt kiểm soát lâm sản trực thuộc Cục kiểm lâm nhân dân, nếu mức độ xử phạt vượt quá quyền hạn của hạt, thì hạt phải báo cáo Cục và do Cục trưởng, Phó cục trưởng Cục kiểm lâm nhân dân xét, quyết định xử lý. Sau khi Cục có quyết định xử lý, thì hạt có trách nhiệm thi hành quyết định đó theo đúng thủ tục quy định.

B. Trình tự và nội dung các bước tiến hành xét, xử phạt:

1. Phát hiện hành động vi phạm, lập biên bản.

Cán bộ, nhân viên kiểm lâm nhân dân trong khi thi hành nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, khám xét, hoặc được nhân dân tố giác, nếu phát hiện có hành động vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm luật lệ bảo vệ rừng, thì phải kịp thời xem xét, lập biên bản để làm căn cứ gốc cho các bước điều tra, xác minh và kết luận biện pháp xử lý.

Đối với những vụ mà khi lập biên bản chưa xác định được hành động vi phạm và mức độ vi phạm, thì cơ quan kiểm lâm nhân dân phải tiến hành điều tra, xác minh cụ thể tại hiện trường, thu thập đầy đủ chứng cứ, các tình tiết cần thiết để xác định một cách khách quan hành động vi phạm, và lập biên bản xác minh bổ sung.

Yêu cầu cụ thể trong việc phát hiện, lập biên bản, điều tra, xác minh là phải kịp thời, chính

xác, đúng pháp luật và không dè dặt các hành động vi phạm. Việc lập biên bản phải bảo đảm những quy định sau đây :

- Lập biên bản tại chỗ hoặc tại địa điểm gần nhất nơi đã xảy ra vi phạm ;
- Có mặt người vi phạm hoặc đại diện cơ quan, đơn vị đã có vi phạm ;
- Xác định hoặc sơ bộ xác định được hành động vi phạm, tạm giữ các tang vật cần thiết.

2. Tạm giữ tang vật.

Khi phát hiện có hành động vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm và lập biên bản, thì phải đồng thời tiến hành tạm giữ các tang vật cần thiết có liên quan đến hành động vi phạm. Khi tạm giữ, phải ghi rõ vào biên bản kiểm tra ban đầu, và trong một số trường hợp có thể lập biên bản tạm giữ tang vật riêng.

Đối với tang vật tạm giữ, cán bộ, nhân viên kiểm lâm nhân dân có thể chuyển tang vật về cơ quan kiểm lâm nhân dân, gửi tại trụ sở địa phương hoặc có thể giao cho cán bộ, nhân dân ở địa phương canh giữ, nhưng phải bảo đảm quản lý chặt chẽ, không được dè mất mát, hư hỏng. Chú ý là tránh giao cho chính đương sự tạm giữ, dè dề phòng hiện tượng phân tán tang vật. Tang vật do đơn vị kiểm lâm nhân dân nào tạm giữ, thì đơn vị đó có trách nhiệm quản lý cho đến khi có quyết định xử lý.

Nếu tang vật có hướng là xử lý tịch thu và thuộc loại hàng hóa mau hư hỏng, như thịt chim, thú rừng, măng tươi, v.v..., thì cơ quan kiểm lâm nhân dân phải có biện pháp giải quyết kịp thời theo đúng chế độ của Nhà nước, để tránh hư hỏng.

Trong quá trình điều tra, xác minh, nếu hành động đã lập biên bản không phải là vi phạm, hoặc tuy có vi phạm nhưng trong những thứ đã tạm giữ có một số không phải là tang vật, thì cơ quan kiểm lâm nhân dân phải ra quyết định trả lại những thứ đã tạm giữ đó cho đương sự.

3. Xét hỏi người vi phạm và lấy lời khai của nhân chứng.

Trong quá trình lập biên bản, điều tra vụ vi phạm, cơ quan kiểm lâm nhân dân phải tiến hành xét hỏi người vi phạm về những tình tiết của hành động vi phạm ; nếu có những người làm chứng, những người hiểu biết sự việc có liên quan đến vụ vi phạm, thì phải lấy lời khai của những người này, ghi thành biên bản.

Trong trường hợp cơ quan kiểm lâm nhân dân cần lấy bản viết lời tự khai của người vi phạm, hoặc người vi phạm yêu cầu được làm bản tự khai để trình bày rõ sự việc và những kiến nghị của họ, thì cơ quan kiểm lâm nhân dân có trách nhiệm hướng dẫn người đó làm bản tự khai, không được có thái độ gò ép.

4. Thẩm tra vụ vi phạm.

Đối với một số vụ vi phạm mà việc điều tra, xác minh tại chỗ, trực tiếp chưa đủ chứng cứ cho việc xét, xử lý, thì cơ quan kiểm lâm nhân dân phải tiến hành thẩm tra những sự việc có liên quan đến vụ vi phạm tại địa phương đó hoặc tại địa phương khác. Sau khi thẩm tra, phải lập biên bản, có xác nhận của chính quyền địa phương nơi tiến hành thẩm tra.

Đối với vụ vi phạm mà xét thấy sự việc vi phạm đó xảy ra ở địa phương khác là chính, hoặc là nhiều sự việc của vụ vi phạm xảy ra tập trung ở địa phương khác, thì cơ quan kiểm lâm nhân dân có thể chuyển hồ sơ vụ vi phạm sang cho cơ quan kiểm lâm nhân dân ở địa phương ấy xét, xử lý ; trong trường hợp này, đối với tang vật công kênh di chuyển có khó khăn, thì có thể tạm giữ lại và phải bảo quản chu đáo, chờ giải quyết theo quyết định xử lý.

5. Khám xét.

Tại điểm b, điều 8 nghị định số 101-CP, đã quy định quyền hạn của kiểm lâm nhân dân về việc khám xét trong nhà ga, trên toa xe lửa, trong nhà tư nhân và trong xí nghiệp, cơ quan, đơn vị. Nhưng việc vận dụng các quyền hạn đó trong thực tế, cần tiến hành thận trọng, chỉ khám xét trong những trường hợp thật cần thiết, không khám tràn lan, dè bảo đảm việc khám xét có hiệu quả chắc chắn, đúng pháp luật ; chú ý phối hợp với viện kiểm sát nhân dân trong những vụ khám xét có tính chất phức tạp.

Khi tiến hành khám xét, phải theo đúng các quy định sau đây :

a) Cán bộ kiểm lâm nhân dân tiến hành khám xét, phải theo đúng quyền hạn đã quy định tại điểm b, điều 8 nghị định số 101-CP.

b) Chỉ được tiến hành khám xét các tang vật có liên quan trực tiếp đến vụ vi phạm luật lệ bảo vệ rừng. Trong khi tiến hành khám xét, nếu phát hiện thấy hàng phạm pháp thuộc ngành khác quản lý, thì phải lập biên bản và kịp thời báo cho cơ quan có liên quan xét, giải quyết.

c) Cán bộ kiểm lâm nhân dân tiến hành khám xét, phải xuất trình giấy tờ, hoặc lệnh khám xét và báo cho thủ trưởng hoặc người đại diện cơ quan, xí nghiệp, đơn vị, người chủ hộ hoặc người thay mặt chủ hộ biết nội dung việc khám xét trước khi tiến hành khám xét.

d) Khi khám xét, phải có mặt người đại diện cơ quan, xí nghiệp, đơn vị, người chủ hộ hoặc người thay mặt chủ hộ. Riêng đối với việc khám xét nhà tư nhân, thì ngoài chủ hộ hoặc người thay mặt, phải có một ủy viên Ủy ban nhân dân địa phương và một người láng giềng chứng kiến ; nếu không có một ủy viên Ủy ban nhân dân

cùng đi, thì nhất thiết phải có người láng giềng, sau đó báo cho chính quyền địa phương biết.

Đối với trường hợp khám xét cơ quan và đơn vị quân đội, ngoài các quy định như đối với cơ quan, xí nghiệp trên đây, phải có sự tham gia của đại diện cơ quan quân sự địa phương.

e) Phải bảo đảm không làm ảnh hưởng đến hoạt động hợp pháp của cơ quan, xí nghiệp, đơn vị; bảo đảm quyền tự do dân chủ và sinh hoạt hợp pháp của nhân dân.

g) Phải lập biên bản ngay sau khi hoàn thành việc khám xét và tạm giữ tang vật nếu có.

Đề việc khám xét đạt kết quả, phải tiến hành khẩn trương, nhưng phải hết sức thận trọng, có điều tra, nắm chắc tình hình, theo dõi sát hiện trường, đề bảo đảm đã khám xét là trúng.

6. Xét và quyết định xử lý.

Căn cứ vào hồ sơ của vụ vi phạm, cơ quan kiểm lâm nhân dân xét và ra quyết định xử lý hoặc báo cáo lên cơ quan kiểm lâm nhân dân cấp trên xét và ra quyết định xử lý, theo đúng quyền hạn đã quy định.

Khi quyết định xử phạt, cơ quan kiểm lâm nhân dân phải tuyên bố quyết định xử phạt cho người vi phạm rõ. Nếu ngay sau khi tuyên bố quyết định xử phạt mà đương sự khiếu nại ngay tại chỗ, thì cơ quan kiểm lâm nhân dân phải lập biên bản về việc khiếu nại và chuyển hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xét, quyết định.

Ngoài việc giao bản quyết định xử lý cho người vi phạm để thi hành, trong những trường hợp cần thiết, cơ quan kiểm lâm nhân dân cần sao gửi quyết định xử lý đó cho chính quyền hoặc cơ quan, đơn vị nơi người vi phạm cư trú hoặc công tác biết để giáo dục thêm.

Hàng tháng, cơ quan kiểm lâm nhân dân phải tổng hợp tình hình xử lý để báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp, cơ quan kiểm lâm nhân dân cấp trên, và thông báo cho các cơ quan có liên quan biết nếu các cơ quan này có yêu cầu.

7. Thi hành quyết định xử lý.

Cơ quan kiểm lâm nhân dân được giao thi hành quyết định xử lý, phải căn cứ vào quyết định đó để tiến hành các việc: thu tiền phạt, tiền nuôi rừng; tịch thu, trưng mua và giao nộp tang vật; thực hiện các chế độ hiện hành về tiền thưởng và trả thù lao canh giữ lâm sản phạm pháp.

Cơ quan kiểm lâm nhân dân phải lưu trữ đầy đủ hồ sơ của các vụ vi phạm đã xử lý xong.

Trong trường hợp đương sự không có khiếu nại mà không chấp hành quyết định xử phạt, thì cơ quan kiểm lâm nhân dân chuyển hồ sơ

sang tòa án nhân dân; nếu là cố tình không chấp hành, thì chuyển hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp, đề buộc người vi phạm phải thi hành quyết định xử phạt đó. Chỉ những trường hợp không chấp hành nhưng mang dấu hiệu phạm tội, thì mới chuyển hồ sơ sang viện kiểm sát nhân dân cùng cấp đề nghị khởi tố về hình sự.

III. GIẢI QUYẾT CÁC VỤ KHIẾU NẠI

Điều 21 của Pháp lệnh đã quy định: « Nếu đương sự khiếu nại, thì Ủy ban hành chính cùng cấp xét và quyết định ».

Trong trường hợp người bị xử phạt hành chính có khiếu nại đối với quyết định xử lý của cơ quan kiểm lâm nhân dân, thì cơ quan kiểm lâm nhân dân có trách nhiệm chuyển đầy đủ hồ sơ của vụ vi phạm và báo cáo với Ủy ban nhân dân cùng cấp để xét, quyết định, và sau đó có trách nhiệm thi hành nghiêm chỉnh quyết định của Ủy ban nhân dân giải quyết việc khiếu nại. Nếu cơ quan kiểm lâm nhân dân không nhất trí với quyết định của Ủy ban nhân dân, thì phải báo cáo trình bày rõ ý kiến không nhất trí đó để Ủy ban nhân dân xét thêm, đồng thời có thể báo cáo lên cơ quan kiểm lâm nhân dân cấp trên về sự việc đó.

Đối với các hạt kiểm lâm nhân dân ở tỉnh, thành phố nơi không thành lập chi cục, việc giải quyết khiếu nại do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xét và quyết định. Đối với các hạt kiểm lâm nhân dân và hạt kiểm soát lâm sản trực thuộc Cục kiểm lâm nhân dân, việc giải quyết khiếu nại do Cục kiểm lâm nhân dân xét và quyết định.

Từ nay, về căn cứ pháp lý việc xử phạt hành chính đối với các vi phạm luật lệ bảo vệ rừng sẽ thống nhất thi hành theo các điều quy định của Pháp lệnh và sự hướng dẫn của thông tư này; các quy định về xử phạt hành chính đối với các hành động vi phạm luật lệ bảo vệ rừng trong các văn bản đã ban hành trước đây, thì nay không áp dụng nữa. Việc vận dụng thông tư đề xử phạt cụ thể, sẽ áp dụng đối với những vi phạm hiện hành, những vi phạm đã được lập biên bản, hồ sơ đang trong quá trình xét, xử lý, và trong việc xử lý cần vận dụng các hình thức xử lý một cách đồng bộ giữa xử phạt hành chính (cảnh cáo hoặc phạt tiền, thu hồi giấy phép, tịch thu tang vật) với việc bắt bồi thường thiệt hại đã gây ra, để tích cực ngăn chặn các hành động phá hại rừng. Còn đối với những vi phạm trước đây, sẽ có văn bản hướng dẫn xử lý riêng.

Đối với các vi phạm cần phải khởi tố về hình sự, sẽ có văn bản hướng dẫn riêng.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố nơi có rừng cần nắm vững tinh thần và nội dung thông tư này, có kế hoạch tổ chức thực hiện tốt ở địa phương mình để bảo đảm thi hành nghiêm chỉnh Pháp lệnh bảo vệ rừng. Cơ quan kiểm lâm nhân dân các cấp phải tranh thủ sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan có liên quan như công an, kiểm sát, tòa án ở địa phương trong phát hiện, điều tra, xử lý nhằm tích cực đấu tranh chống các hành động vi phạm luật lệ bảo vệ rừng.

Cơ quan lâm nghiệp, kiểm lâm nhân dân các cấp phải tổ chức cho toàn thể cán bộ, công nhân viên trong đơn vị nghiên cứu học tập thông tư này; đồng thời tổ chức phổ biến, học tập sâu rộng trong nhân dân địa phương, nhất là nhân dân ở trung du và miền núi.

Cơ quan kiểm lâm nhân dân các cấp, các cán bộ, nhân viên kiểm lâm nhân dân phải thi hành việc xử phạt theo đúng pháp luật, phải chí công vô tư và phải tôn trọng quyền tự do dân chủ của nhân dân. Cán bộ, nhân viên kiểm lâm nhân dân nào không thi hành đầy đủ nhiệm vụ của mình, hoặc không tuân theo pháp luật, thì sẽ bị thi hành kỷ luật; nếu phạm tội, sẽ bị truy tố trước pháp luật. Cán bộ, nhân viên kiểm lâm nhân dân nào thi hành tốt nhiệm vụ sẽ được khen thưởng.

Ông Cục trưởng Cục kiểm lâm nhân dân có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thi hành thông tư này và từng thời gian báo cáo kết quả thực hiện lên Bộ.

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 1977

K.T. Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp

Thứ trưởng

TRẦN VĂN QUẾ

HẾT NĂM 1977